



Ký bởi: Sở Công thương (M)
Thời gian ký: 08/10/2026 16:27:09

Phụ lục 1:

Danh mục hàng hóa nguy hiểm được phép vận chuyển của

*** Công ty TNHH thương mại và vận tải Trường Linh**

(Kèm theo Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm số: 4762/GP-SCT ngày 08/10 /2026 của Sở Công Thương tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên gọi và mô tả	Số hiệu UN	Loại, nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận chuyển	Ghi chú
1	AXETYLEN, DẠNG PHÂN RÃ	1001	2	239	Theo tải trọng phương tiện	
2	KHÔNG KHÍ DẠNG NÉN	1002	2	20		
3	AMONIAC, KHAN (DẠNG NÉN)	1005	2	268		
4	ARGON, DẠNG NÉN	1006	2	20		
5	CACBON DIOXIT	1013	2	20		
6	CACBON MONOXIT, DẠNG NÉN	1016	2.1+2.3	263		
7	CLO	1017	2	265		
8	HELI, DẠNG NÉN	1046	2	20		
9	ETYLEN OXIT	1040	2	263		
10	HYDRO, NÉN	1049	2	23		
11	NITƠ, NÉN	1066	2	20		
12	DINITƠ MONOXIT	1070	2	25		
13	OXY, DẠNG NÉN	1072	2	25		
14	OXY, LÀM LẠNH DẠNG LỎNG	1073	2 + 5	225		
15	KHÍ DẦU MỎ, HÓA LỎNG	1075	2	23		
16	SULFUR HEXAFLOURIDE	1080	2	20		
17	AXETON	1090	3	33		
18	KHÍ DẦU HOẶC DẦU DIESEL HOẶC DẦU NÓNG, NHẹ	1202	3	30		
19	NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ HOẶC XĂNG HOẶC DẦU	1203	3	33		
20	HEXAN	1208	3	33		
21	ISOPROPANOL (RƯỢU CỒN	1219	3	33		

	ISOPROPYL)			
22	PENTAN, LỎNG	1265	3	33
23	ARGON, LÀM LẠNH DẠNG LỎNG	1951	2	22
24	KHÍ DẠNG NÉN, ĐỘC, DỄ CHÁY, N.O.S.	1953	2	263
25	KHÍ DẠNG NÉN, DỄ CHÁY, N.O.S.	1954	2	23
26	KHÍ DẠNG NÉN, ĐỘC, N.O.S.	1955	2	26
27	KHÍ DẠNG NÉN, N.O.S.	1956	2	20
28	ETYLEN	1962	2	23
29	HỖN HỢP KHÍ HYDROCACBON, DẠNG NÉN, N.O.S.	1964	2	23
30	HỖN HỢP KHÍ HYDROCACBON, HÓA LỎNG, N.O.S. VÍ DỤ CÁC HỖN HỢP A, A01, A02, A0, A1, B1, B2, B HOẶC C	1965	2	23
31	ISOBUTAN	1969	2	23
32	METAN, DẠNG NÉN HOẶC KHÍ TỰ NHIÊN, DẠNG NÉN CHỨA NỒNG ĐỘ METAN CAO	1971	2	23
33	NITO, LÀM LẠNH DẠNG LỎNG	1977	2	22
34	PROPAN	1978	2	23
35	CACBON DIOXIT, LÀM LẠNH DẠNG LỎNG	2187	2	22
36	HỖN HỢP HYDRO VÀ METAN, DẠNG NÉN	2034	2	23
37	DUNG DỊCH PHENOL	2821	6.1	60
38	AMONI METAVANADAT	2859	6.1	60
39	KHÍ HÓA LỎNG, DỄ CHÁY, N.O.S.	3161	2	23
40	HYDROCACBON, DẠNG LỎNG, N.O.S.	3295	3	30
41	BUTYLACETATE	1123	3	30

42	XYCLOHEXANE	1915	3	30
43	XYCLOHEXANEONE	1915	3	30
44	DIMETYL CACBON	1161	3	33
45	ETHYL CACBON	1173	3	33
46	ISO BUTANOL	1212	3	30
47	OSOBUTYL ACETATE	1213	3	33
48	METHANOL	1230	3+6.1	336
49	METHYL AXETATE	1231	3	33
50	METYL RTHYL	1193	3	33
51	N-PROPANOL (NPA)	1274	3	33
52	N-PROPYL ACETATE	1276	3	33
53	STYRENE MONOMER	2055	3	39
54	TOLUENE	1294	3	33
55	XYLENE	1037	3	23
56	BWCOAT M-300Y	1139	3	30
57	METAL BONDING	3077	9	90
58	TEROSTAT 8517H	1139	3	30
59	JOWAT 471.60	1133	3	30
60	NƯỚC LÀM MÁT	3082	9	90
61	LOCTITE 243	3082	9	90
62	TEROSON RB 3211	3077	9	90
63	H2S (HYDRO SUNFUA)	1053	2	263